

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16/01/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Thám.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Hồ Thị Ngọc Nga.

2- Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh:
Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1292/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà D, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông C, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn ngày 13/10/2017, nguyên đơn bà D trình bày:

Bà với tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyền số 01 ngày 08/3/1994. Hai người phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng nên từ tháng 3/2011 bà với ông C đã ly thân nhau. Bà với ông C đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Bà xác định tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

- Về con chung có 02 trẻ tên A, sinh năm 1995 và N, sinh năm 1996 đều đã thành niên.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 27/12/2017, bị đơn ông C trình bày:

Ông với bà D tự nguyện tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bà D nợ nhiều người. Bà D xin ly hôn ông không đồng ý.

Về con chung có 02 trẻ tên A, sinh năm 1995 và N, sinh năm 1996 đều đã thành niên.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hòa giải đoàn tụ không thành nên Tòa phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, bà D vẫn cương quyết xin ly hôn, ông C vẫn không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

* Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà D với ông C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số 01 ngày 08/3/1994 nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu của bà D xin ly hôn với ông C: Ông C có hành vi đánh bà D, thể hiện ông C đã có hành vi bạo lực gia đình đối với bà D; bà D bị bệnh phụ khoa nhưng ông C không cảm thông, muốn quan hệ tình dục khiến bà D phải tìm cách né tránh, thậm chí bà D phải thuê nhà trọ ở để có sức khỏe đi làm; hai người đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không hạnh phúc. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D, cho bà D được ly hôn ông C.

[4] Về con chung có 02 trẻ tên A, sinh năm 1995 và N, sinh năm 1996 đều đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung: Bà D xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”, Hội đồng xét xử buộc bà D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51; Khoản 1 Điều 53; Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà D.

1. Về hôn nhân: Bà D được ly hôn với ông C.

2. Về nuôi con chung: 02 trẻ A, sinh năm 1995 và N, sinh năm 1996 đều đã thành niên.

3. Về chia tài sản: Không xét.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà D phải nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007641 ngày 07/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh (01)
- VKSND huyện Củ Chi (02)
- Chi cục THADS huyện Củ Chi (01)
- UBND xã T (01)
- Các đương sự (02)
- Lưu: Vp, hồ sơ vụ án (02)

(09b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Thắm